AP Web Management

Website

Hợp đồng và nội dung ghi nhớ của dự án

Bên đặt hàng:

* Hoàng Trung Quân (0909002460)
* Đinh Hoàng Sơn (0939603739)

Bên nhận đặt hàng:

* Tên (Điện thoại)

Giá trị dự án: Tiền (VND)

Thời gian triển khai: (Chi tiết do bên nhận đưa ra trong phụ lục)

Nội dung: Thiết kế website với các yêu cầu và tính năng được thảo luận trong buổi ký kết hợp đồng và các biên bản, nội dung kèm theo (& phụ lục). Nếu có xung đột về nội dung thì ưu tiên dựa theo văn bản. Nếu có yêu cầu chỉnh sửa thì bên đặt hàng sẽ có thêm phụ lục yêu cầu.

Yêu cầu hệ thống:

* Dung lượng web khi upload: < Dung lượng Luci package ( Nhờ a Sơn tính lại)
* Ngôn ngữ lập trình: Tất cả (nhưng phải dùng được system call để gọi lệnh hệ thống – Linux kerel)
* Các tool/plugin kèm theo: 0 (Hoặc hạn chế do dùng server trên thiết bị)
* Độ trễ khi thao tác: < 2 giây
* Số lượng user đồng thời: < 10
* Tỷ lệ lỗi: Không có lỗi nào trong quá trình test. Sau khi bàn giao, lỗi trong quá trình sử dụng tìm thấy nếu do bên nhận đặt hàng gây ra / không lọc trước các giá trị gây lỗi thì bug phải được sửa trong tối đa 48 giờ sau khi thông báo.
* Các file ảnh cần dùng sẽ được lưu dưới format: JPG, JPEG hay PNG.
* Validate giá trị cho tất cả các trường cần nhập liệu.
* Có chuyển đổi cho mobile web. Chi tiết sẽ bàn kỹ sau.
* Giao kỹ source khi kết thúc dự án, và support theo yêu cầu trong thời gian đầu. Sẽ bàn kỹ hơn.
* Các nội dung sẽ bàn tiếp phải có phụ lục kèm theo (với nội dung chi tiết, rõ ràng) khi ký hợp đồng.

**Định dạng dữ liệu trong từng trang web:**

1. **All page formatting**

* Ảnh/Logo công ty: Góc trên bên trái, load trong thư mục picture/logo.jpg
* Company name: Bên phải logo công ty, in đậm, font to, nội dung đọc trong file text/companyname.txt
* Product Name & Serial: góc trên bên phải, font nhỏ, đọc trong file productname.txt
* Bố cục gồm 4 khung (1 khung ngang nằm trên, 3 khung đứng ở dưới).
* Khung đứng ngoài cùng bên trái chứa các tab của web. Tab được chọn sẽ được in đậm màu hơn các tab còn lại. Số lượng tab giữ nguyên khi qua trang.
* Khung đứng giữa hiển thị các mục cấu hình cần thiết. Sẽ liệt kê chi tiết ở các mục dưới
* Khung đứng ngoài cùng bên phải ghi các nội dung hướng dẫn để cấu hình. Nội dung được load từ các file dạng <tabname>.htm. Sử dụng định dạng file html

1. **Status Page (Home)**

* Firmware version: text, nội dung lấy từ system call
* Hardware version: text, nội dung lấy từ system call
* LAN MAC Address: text, nội dung lấy từ system call
* IP Address: text, nội dung lấy từ system call
* Subnet Mask: text, nội dung lấy từ system call
* SSID 1 Status: text, nội dung lấy từ system call. Nếu giá trị là “No Enable” thì in xám các giá trị bên dưới thích hợp.
  + SSID: text, nội dung lấy từ system call
  + Mode: text, nội dung lấy từ system call
  + Channel: number, nội dung lấy từ system call
  + Tx Rate: number, nội dung lấy từ system call
  + MAC Address: text, nội dung lấy từ system call
* SSID 2 Status: text, nội dung lấy từ system call. Nếu giá trị là “No Enable” thì in xám các giá trị bên dưới thích hợp.
  + SSID: text, nội dung lấy từ system call
  + Mode: text, nội dung lấy từ system call
  + Channel: number, nội dung lấy từ system call
  + Tx Rate: number, nội dung lấy từ system call
  + MAC Address: text, nội dung lấy từ system call
* WAN MAC Address: text, nội dung lấy từ system call
* WAN IP Address: text, nội dung lấy từ system call
* WAN Subnet Mask: text, nội dung lấy từ system call
* WAN Default Gateway: text, nội dung lấy từ system call
* WAN DNS: text, nội dung lấy từ system call

1. **SSID 1**

* SSID Name: text, kiểm tra giá trị chỉ lấy chữ và số
* Mode: text list, đọc trong file config/wirelessmode1.txt
* Channel: number list, đọc trong file config/wirelesschannel1.txt
* Max TX Rate: number list, đọc trong file config/wirelessmaxtxrate1.txt
* Security mode:
  + Disable: Ko hiện các trường input ở dưới
  + WPA/WPA2
    - Version: text, đọc trong file config/wpaversion1.txt
    - Encryption: text, đọc trong file config/encryption1.txt
    - Password: text, kiểm tra giá trị dạng password
* Save button: Gọi đến system call

1. **SSID 2**

* SSID Name: text, kiểm tra giá trị chỉ lấy chữ và số
* Mode: text list, đọc trong file config/wirelessmode2.txt
* Channel: number list, đọc trong file config/wirelesschannel2.txt
* Max TX Rate: number list, đọc trong file config/wirelessmaxtxrate2.txt
* Security mode:
  + Disable: Ko hiện các trường input ở dưới
  + WPA/WPA2
    - Version: text, đọc trong file config/wpaversion2.txt
    - Encryption: text, đọc trong file config/encryption2.txt
    - Password: text, kiểm tra giá trị dạng password
* Save button: Gọi đến system call

1. **WAN & LAN**

* WAN Connection Type: text, đọc trong file config/wanconnectiontype.txt
* Nếu Type là Statis IP:
  + IP Address: text, kiểm tra định dạng IP
  + Subnet Mask: text, kiểm tra định dạng Subnet Mask
  + Default Gateway: text, kiểm tra định dạng IP
  + DNS: text, kiểm tra định dạng IP
* Nếu type là DHCP: In mờ các trường ở dưới. Nếu chọn mới thì xóa dữ liệu để trắng, nếu chuyển tab thì dùng system call để gọi dữ liệu
  + IP Address: text
  + Subnet Mask: text
  + Default Gateway: text
  + DNS: text
* LAN MAC Address: text, nội dung lấy từ system call
* LAN IP Address: text, kiểm tra định dạng IP
* LAN Subnet Mask: text, kiểm tra định dạng Subnet Mask
* DHCP Enable No: Ko hiện các trường bên dưới
* DHCP Enable Yes: Hiện các trường input dưới đây
  + Start IP Address: text, kiểm tra định dạng IP, kiểm tra trùng subnet với LAN IP Address
  + End IP Address: text, kiểm tra định dạng IP, kiểm tra trùng subnet với LAN IP Address
  + Lease Time: number, tính theo phút, kiểm tra giá trị từ 1 – 2880
  + Default Gateway: text, kiểm tra định dạng IP, kiểm tra trùng subnet với LAN IP Address
  + DNS: text, kiểm tra định dạng IP

1. **Landing Page**

* Choose Template: text list, đọc các file mang định dạng <templatename>.html trong thư mục template, bao nhiêu file là bấy nhiêu giá trị của list
* Hình mình họa: Đọc từ trong file <templatename>.html được chọn, sẽ load file html và hiện trong box ở đây. Các khối tên BannerXX được in giữa khối
* Có bao nhiêu khối banner trong file <templatename>.html sẽ hiện bấy nhiêu ô chọn file cho từng banner.
* Có thể support khi chọn banner nào xong, sẽ cập nhật hình minh họa tương ứng để người dùng thấy được kết quả ngay lập tức.
* Tương tự cho SSID 2

1. **System Tools**

* Design request: “Get design button” khi click vào chạy system call
* Firmware Upgrade:
  + File: Chọn file trong máy người dùng để upload
  + Firmware version: text, nội dung lấy từ system call
  + Hardware version: text, nội dung lấy từ system call
  + “Upgrade” khi click chạy system call
* Factory Defaults: “Restore” khi click vào chạy system call
* Reboot: “Reboot” khi click vào chạy system call
* Password:
  + Old User Name: text, kiểm tra > 5 và < 20 ký tự, chỉ nhận số và chữ
  + New User Name: text, kiểm tra > 5 và < 20 ký tự, chỉ nhận số và chữ
  + Old Password: text, kiểm tra giá trị dạng password
  + New Password: text, kiểm tra giá trị dạng password
  + Confirm password: text, kiểm tra giá trị dạng password, kiểm tra nội dung giống với New Password
  + “Save” khi click vào chạy system call
  + “Clear All” khi click vào xóa nội dung các trường Username và Password